

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**PHƯỜNG PHỐ HIẾN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	291.594
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	91.594
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	15.750
-	Thuế giá trị gia tăng	15.650
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>15.650</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>100</i>
2	Lệ phí trước bạ	55.350
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	7.850
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	47.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.989
4	Thuế thu nhập cá nhân	15.650
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	10.600
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	5.050
5	Phí, lệ phí	190
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>190</i>
6	Tiền sử dụng đất	200.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	200.000
7	Thu tiền thuê đất	25
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>25</i>
8	Thu khác	570
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>570</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	70

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**PHƯỜNG SƠN NAM***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	136.980
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	36.980
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3.000
-	Thuế giá trị gia tăng	2.990
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>2.990</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	10
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>10</i>
2	Lệ phí trước bạ	22.200
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	7.000
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	15.200
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.500
4	Thuế thu nhập cá nhân	9.400
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	8.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	900
5	Phí, lệ phí	75
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>75</i>
6	Tiền sử dụng đất	100.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	100.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	165
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>165</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	640

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**PHƯỜNG HỒNG CHÂU***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	109.787
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	9.787
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	850
-	Thuế giá trị gia tăng	850
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	850
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.600
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	4.400
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	500
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.900
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.650
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	250
5	Phí, lệ phí	30
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	30
6	Tiền sử dụng đất	100.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	100.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	27
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	27
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	480

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**PHƯỜNG MỸ Hào***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	24.166.795
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	66.795
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	14.200
-	Thuế giá trị gia tăng	14.200
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>14.200</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	34.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	6.500
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	28.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000
4	Thuế thu nhập cá nhân	14.400
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	9.600
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	4.800
5	Phí, lệ phí	160
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>160</i>
6	Tiền sử dụng đất	24.100.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	23.800.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	300.000
7	Thu tiền thuê đất	200
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>200</i>
8	Thu khác	335
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>335</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**PHƯỜNG ĐƯỜNG HÀO***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	231.378
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	31.378
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	5.300
-	Thuế giá trị gia tăng	5.300
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>5.300</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	19.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	3.000
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	16.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.300
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.400
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	2.400
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	2.000
5	Phí, lệ phí	110
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>110</i>
6	Tiền sử dụng đất	200.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	200.000
7	Thu tiền thuê đất	80
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>80</i>
8	Thu khác	113
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>113</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	75

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**PHƯỜNG THƯỢNG HỒNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	321.257
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	21.257
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.000
-	Thuế giá trị gia tăng	2.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>2.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	12.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	2.500
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	9.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.200
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.450
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	3.800
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	650
5	Phí, lệ phí	100
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>100</i>
6	Tiền sử dụng đất	300.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	300.000
7	Thu tiền thuê đất	30
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>30</i>
8	Thu khác	52
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>52</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	425

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TÂN HƯNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	63.728
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	13.728
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.400
-	Thuế giá trị gia tăng	2.400
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>2.400</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	8.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	700
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	7.300
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	400
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.550
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.800
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	750
5	Phí, lệ phí	25
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>25</i>
6	Tiền sử dụng đất	50.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	50.000
7	Thu tiền thuê đất	75
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>75</i>
8	Thu khác	68
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>68</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	210

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ HOÀNG HOA THẨM***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	155.591
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	35.591
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3.800
-	Thuế giá trị gia tăng	3.800
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>3.800</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	18.200
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	7.000
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	11.200
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	950
4	Thuế thu nhập cá nhân	11.500
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	9.600
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	1.900
5	Phí, lệ phí	150
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>150</i>
6	Tiền sử dụng đất	120.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	120.000
7	Thu tiền thuê đất	130
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>130</i>
8	Thu khác	171
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>171</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	690

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TIỀN LŨ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	98.955
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	18.955
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.600
-	Thuế giá trị gia tăng	1.600
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.600</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	10.600
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	4.600
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	450
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.600
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	4.800
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	800
5	Phí, lệ phí	140
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>140</i>
6	Tiền sử dụng đất	80.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	80.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	105
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>105</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	460

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TIỀN HOA***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	16.154
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	6.154
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	350
-	Thuế giá trị gia tăng	350
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>350</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	3.700
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	700
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	3.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.380
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.200
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	180
5	Phí, lệ phí	70
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>70</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	10
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>10</i>
8	Thu khác	94
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>94</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	350

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ QUANG HƯNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	257.965
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	27.965
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.800
-	Thuế giá trị gia tăng	2.800
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>2.800</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	14.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	7.000
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	7.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	600
4	Thuế thu nhập cá nhân	9.500
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	8.100
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	1.400
5	Phí, lệ phí	150
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>150</i>
6	Tiền sử dụng đất	230.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	230.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	55
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>55</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	360

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ ĐOÀN ĐÀO***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	177.415
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	17.415
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	950
-	Thuế giá trị gia tăng	950
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>950</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	12.100
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	6.100
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	470
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.400
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	2.900
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	500
5	Phí, lệ phí	120
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>120</i>
6	Tiền sử dụng đất	160.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	160.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	105
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>105</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	270

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TIỀN TIẾN**

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	141.530
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	21.530
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	450
-	Thuế giá trị gia tăng	450
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>450</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	13.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	7.000
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	470
4	Thuế thu nhập cá nhân	6.840
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	6.600
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	240
5	Phí, lệ phí	100
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>100</i>
6	Tiền sử dụng đất	120.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	120.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	270
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>270</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	400

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TỔNG TRẦN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	95.600
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	15.600
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	350
-	Thuế giá trị gia tăng	350
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>350</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	7.900
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	2.600
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.300
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	360
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.980
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	5.800
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	180
5	Phí, lệ phí	70
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>70</i>
6	Tiền sử dụng đất	80.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	80.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	270
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>270</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	670

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ LƯƠNG BÀNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	123.975
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	23.975
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3.200
-	Thuế giá trị gia tăng	3.130
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>3.130</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	70
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>70</i>
2	Lệ phí trước bạ	14.050
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	2.950
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	11.100
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.350
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.400
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	3.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	900
5	Phí, lệ phí	55
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>55</i>
6	Tiền sử dụng đất	100.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	100.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	540
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>540</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	380

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NGHĨA DÂN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	112.035
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	12.035
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.800
-	Thuế giá trị gia tăng	1.700
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.700</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>100</i>
2	Lệ phí trước bạ	8.050
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.550
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	500
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.300
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	800
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	500
5	Phí, lệ phí	45
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>45</i>
6	Tiền sử dụng đất	100.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	100.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	170
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>170</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	170

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ HIỆP CƯỜNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	114.050
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	14.050
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.000
-	Thuế giá trị gia tăng	1.980
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.980</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	20
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>20</i>
2	Lệ phí trước bạ	8.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	2.300
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.700
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	650
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.850
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.900
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	950
5	Phí, lệ phí	60
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>60</i>
6	Tiền sử dụng đất	100.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	100.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	100
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>100</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	390

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ ĐỨC HỢP***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	63.520
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	13.520
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.300
-	Thuế giá trị gia tăng	2.300
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>2.300</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	8.350
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.050
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	7.300
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	350
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.950
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.250
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	700
5	Phí, lệ phí	20
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>20</i>
6	Tiền sử dụng đất	50.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	50.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	190
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>190</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	360

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ ÂN THI***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	339.269
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	39.269
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3.300
-	Thuế giá trị gia tăng	3.300
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>3.300</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	25.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	2.500
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	23.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	900
4	Thuế thu nhập cá nhân	9.000
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	7.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	1.500
5	Phí, lệ phí	103
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>103</i>
6	Tiền sử dụng đất	300.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	300.000
7	Thu tiền thuê đất	155
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>155</i>
8	Thu khác	131
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>131</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	180

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ XUÂN TRÚC***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	265.563
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	15.563
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	700
-	Thuế giá trị gia tăng	700
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>700</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	12.200
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	2.500
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	9.700
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	610
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.870
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	370
5	Phí, lệ phí	41
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>41</i>
6	Tiền sử dụng đất	250.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	250.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	37
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>37</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	105

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ PHẠM NGŨ LÃO***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	165.310
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	15.310
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.300
-	Thuế giá trị gia tăng	1.300
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.300</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	10.200
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.500
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	8.700
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	820
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.650
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	2.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	650
5	Phí, lệ phí	41
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>41</i>
6	Tiền sử dụng đất	150.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	150.000
7	Thu tiền thuê đất	4
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>4</i>
8	Thu khác	75
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>75</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	220

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NGUYỄN TRÃI***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	275.150
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	15.150
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.300
-	Thuế giá trị gia tăng	1.300
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.300</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	8.800
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.000
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	7.800
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	540
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.150
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	3.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	650
5	Phí, lệ phí	52
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>52</i>
6	Tiền sử dụng đất	260.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	260.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	73
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>73</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	235

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ HỒNG QUANG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	174.918
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	14.918
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.200
-	Thuế giá trị gia tăng	1.200
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.200</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	7.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.000
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	610
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.600
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	5.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	600
5	Phí, lệ phí	63
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>63</i>
6	Tiền sử dụng đất	160.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	160.000
7	Thu tiền thuê đất	101
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>101</i>
8	Thu khác	84
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>84</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	260

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ KHOÁI CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	176.840
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	36.840
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	8.000
-	Thuế giá trị gia tăng	8.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>8.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	17.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	8.500
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	8.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000
4	Thuế thu nhập cá nhân	9.200
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	5.700
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	3.500
5	Phí, lệ phí	120
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>120</i>
6	Tiền sử dụng đất	140.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	140.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	1.520

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	715.565
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	35.565
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3.500
-	Thuế giá trị gia tăng	3.500
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>3.500</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	18.700
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	13.400
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.300
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.240
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	8.740
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	1.500
5	Phí, lệ phí	115
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>115</i>
6	Tiền sử dụng đất	680.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	560.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	120.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	2.010

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ VIỆT TIẾN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	2.575.850
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	35.850
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	6.000
-	Thuế giá trị gia tăng	6.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>6.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	15.900
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	7.400
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	8.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	800
4	Thuế thu nhập cá nhân	12.100
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	9.100
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	3.000
5	Phí, lệ phí	110
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>110</i>
6	Tiền sử dụng đất	2.540.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	2.500.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	40.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	940

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ CHÍ MINH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	45.235
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	15.235
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.500
-	Thuế giá trị gia tăng	2.500
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>2.500</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.200
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.000
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.200
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	140
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.500
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	4.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	500
5	Phí, lệ phí	105
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>105</i>
6	Tiền sử dụng đất	30.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	30.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	1.790

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ CHÂU NINH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	116.200
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	16.200
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3.000
-	Thuế giá trị gia tăng	3.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>3.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	3.500
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	3.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	110
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.200
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	4.400
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	800
5	Phí, lệ phí	100
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>100</i>
6	Tiền sử dụng đất	100.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	100.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	100
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>100</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	1.190

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ YÊN MỸ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	1.963.112
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	63.112
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	9.000
-	Thuế giá trị gia tăng	9.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>9.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	36.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.500
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	35.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.150
4	Thuế thu nhập cá nhân	13.500
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	9.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	4.500
5	Phí, lệ phí	150
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>150</i>
6	Tiền sử dụng đất	1.900.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	1.700.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	200.000
7	Thu tiền thuê đất	30
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>30</i>
8	Thu khác	265
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>265</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	517

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ VIỆT YÊN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	267.168
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	37.168
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3.000
-	Thuế giá trị gia tăng	3.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>3.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	22.800
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.800
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	21.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.240
4	Thuế thu nhập cá nhân	9.300
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	7.800
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	1.500
5	Phí, lệ phí	50
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>50</i>
6	Tiền sử dụng đất	230.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	230.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	135
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>135</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	643

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ HOÀN LONG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	298.947
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	18.947
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.000
-	Thuế giá trị gia tăng	1.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	12.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	2.500
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	10.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.080
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.000
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	2.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	500
5	Phí, lệ phí	30
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>30</i>
6	Tiền sử dụng đất	280.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	280.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	225
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>225</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	1.112

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NGUYỄN VĂN LINH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	1.716.063
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	46.063
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	6.500
-	Thuế giá trị gia tăng	6.500
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>6.500</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	24.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	2.500
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	22.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.650
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.930
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	7.430
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	3.500
5	Phí, lệ phí	80
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>80</i>
6	Tiền sử dụng đất	1.670.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	1.500.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	170.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	75
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>75</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	328

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NHƯ QUỲNH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	388.660
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	88.660
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	14.500
-	Thuế giá trị gia tăng	14.500
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>14.500</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	38.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	8.500
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	30.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.300
4	Thuế thu nhập cá nhân	29.800
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	24.600
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	5.200
5	Phí, lệ phí	230
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>230</i>
6	Tiền sử dụng đất	300.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	300.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	245
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>245</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	85

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ LẠC ĐẠO***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	133.130
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	33.130
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	4.500
-	Thuế giá trị gia tăng	4.500
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>4.500</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	22.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	4.000
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	18.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.400
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.400
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	2.800
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	1.600
5	Phí, lệ phí	120
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>120</i>
6	Tiền sử dụng đất	100.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	100.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	145
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>145</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	65

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ ĐẠI ĐỒNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	519.490
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	19.490
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.200
-	Thuế giá trị gia tăng	2.200
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>2.200</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	13.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	3.500
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	10.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	800
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.550
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.800
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	750
5	Phí, lệ phí	80
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>80</i>
6	Tiền sử dụng đất	500.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	500.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	110
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>110</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	250

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NGHĨA TRỤ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	1.046.960
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	476.960
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	21.000
-	Thuế giá trị gia tăng	21.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>21.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	232.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	212.000
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	20.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000
4	Thuế thu nhập cá nhân	219.420
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	206.620
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	12.800
5	Phí, lệ phí	110
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>110</i>
6	Tiền sử dụng đất	570.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	390.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	180.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	180
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>180</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	250

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ PHỤNG CÔNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	277.860
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	247.860
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	10.000
-	Thuế giá trị gia tăng	10.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>10.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	119.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	104.500
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	15.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.400
4	Thuế thu nhập cá nhân	109.160
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	104.360
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	4.800
5	Phí, lệ phí	120
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>120</i>
6	Tiền sử dụng đất	30.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	30.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	180
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>180</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	1.500

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ VĂN GIANG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	907.570
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	57.570
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	9.000
-	Thuế giá trị gia tăng	9.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>9.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	14.600
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	5.100
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	9.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.200
4	Thuế thu nhập cá nhân	25.280
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	20.680
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	4.600
5	Phí, lệ phí	115
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>115</i>
6	Tiền sử dụng đất	850.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	600.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	250.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	225
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>225</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	1.150

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ MẾ SỞ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	134.470
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	24.470
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	5.000
-	Thuế giá trị gia tăng	5.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>5.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	8.600
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	3.600
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000
4	Thuế thu nhập cá nhân	6.900
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	4.400
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	2.500
5	Phí, lệ phí	105
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>105</i>
6	Tiền sử dụng đất	110.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	110.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	315
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>315</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	2.550

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ HƯNG HÀ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	157.119
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	27.119
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.100
-	Thuế giá trị gia tăng	2.100
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>2.100</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	10.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.200
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	8.800
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.365
4	Thuế thu nhập cá nhân	12.700
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	12.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	700
5	Phí, lệ phí	110
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>110</i>
6	Tiền sử dụng đất	130.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	130.000
7	Thu tiền thuê đất	100
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>100</i>
8	Thu khác	516
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>516</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	228

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ HỒNG MINH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	18.494
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	8.494
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	550
-	Thuế giá trị gia tăng	550
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>550</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	5.400
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	50
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.350
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	134
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.675
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	175
5	Phí, lệ phí	50
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>50</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	514
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>514</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	171

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ LÊ QUÝ ĐƠN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	403.648
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	8.648
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	550
-	Thuế giá trị gia tăng	550
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>550</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.200
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	50
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.150
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	230
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.175
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	175
5	Phí, lệ phí	60
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>60</i>
6	Tiền sử dụng đất	395.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	385.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	10
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>10</i>
8	Thu khác	278
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>278</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	145

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NGỰ THIÊN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	19.209
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	9.209
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	750
-	Thuế giá trị gia tăng	750
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	750
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	5.800
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	100
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.700
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	90
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.025
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.800
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	225
5	Phí, lệ phí	40
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	40
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	402
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	402
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	102

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TIỀN LA***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	20.593
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	10.593
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	800
-	Thuế giá trị gia tăng	800
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>800</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.600
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	50
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.550
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	210
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.250
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	2.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	250
5	Phí, lệ phí	90
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>90</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	20
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>20</i>
8	Thu khác	497
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>497</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	126

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ THẦN KHÊ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	17.633
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	7.633
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	450
-	Thuế giá trị gia tăng	450
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>450</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	5.300
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	50
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.250
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	241
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.150
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	150
5	Phí, lệ phí	70
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>70</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	317
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>317</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	105

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ DIỄN HÀ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	27.193
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	12.193
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.000
-	Thuế giá trị gia tăng	1.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	7.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	100
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.900
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	151
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.275
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	3.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	275
5	Phí, lệ phí	70
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>70</i>
6	Tiền sử dụng đất	15.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	15.000
7	Thu tiền thuê đất	10
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>10</i>
8	Thu khác	467
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>467</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	220

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ LONG HÙNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	29.385
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	14.385
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.600
-	Thuế giá trị gia tăng	1.600
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.600</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	7.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	80
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.920
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	463
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.000
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	3.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	500
5	Phí, lệ phí	110
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>110</i>
6	Tiền sử dụng đất	15.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	15.000
7	Thu tiền thuê đất	100
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>100</i>
8	Thu khác	809
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>809</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	303

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ KIẾN XƯƠNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	113.569
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	23.569
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3.080
-	Thuế giá trị gia tăng	3.080
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>3.080</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	11.800
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	800
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	11.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	409
4	Thuế thu nhập cá nhân	6.950
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	6.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	950
5	Phí, lệ phí	300
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>300</i>
6	Tiền sử dụng đất	90.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	90.000
7	Thu tiền thuê đất	355
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>355</i>
8	Thu khác	560
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>560</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	115

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TRÀ GIANG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	13.775
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	3.775
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	485
-	Thuế giá trị gia tăng	485
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	485
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	2.100
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	100
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	2.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	79
4	Thuế thu nhập cá nhân	650
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	150
5	Phí, lệ phí	60
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	60
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	36
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	36
8	Thu khác	240
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	240
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	125

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ ĐÔNG HƯNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	182.569
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	32.569
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	5.000
-	Thuế giá trị gia tăng	5.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>5.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	18.350
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.350
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	17.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.215
4	Thuế thu nhập cá nhân	6.900
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	4.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	2.400
5	Phí, lệ phí	150
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>150</i>
6	Tiền sử dụng đất	150.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	150.000
7	Thu tiền thuê đất	500
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>500</i>
8	Thu khác	284
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>284</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	170

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NAM TIỀN HƯNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	18.094
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	8.094
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.460
-	Thuế giá trị gia tăng	1.460
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.460</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	3.940
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	440
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	3.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	37
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.080
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.350
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	730
5	Phí, lệ phí	120
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>120</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	297
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>297</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	160

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TIỀN HƯNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	17.868
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	7.868
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	900
-	Thuế giá trị gia tăng	900
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>900</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	4.810
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	310
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	4.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	207
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.400
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	950
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	450
5	Phí, lệ phí	70
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>70</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	291
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>291</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	190

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ BẮC TIỀN HƯNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	64.518
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	14.518
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	620
-	Thuế giá trị gia tăng	620
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>620</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	10.320
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	820
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	9.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	410
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.810
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	2.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	310
5	Phí, lệ phí	140
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>140</i>
6	Tiền sử dụng đất	50.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	50.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	108
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>108</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	110

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ ĐÔNG TIÊN HƯNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	30.602
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	6.602
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	400
-	Thuế giá trị gia tăng	400
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>400</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	4.850
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	150
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	4.700
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	250
4	Thuế thu nhập cá nhân	800
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	600
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	200
5	Phí, lệ phí	20
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>20</i>
6	Tiền sử dụng đất	24.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	24.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	215
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>215</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	67

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NAM ĐÔNG HƯNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	44.685
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	9.685
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	580
-	Thuế giá trị gia tăng	580
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>580</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	5.580
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	780
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	4.800
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	521
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.440
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	2.150
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	290
5	Phí, lệ phí	120
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>120</i>
6	Tiền sử dụng đất	35.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	35.000
7	Thu tiền thuê đất	200
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>200</i>
8	Thu khác	184
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>184</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	60

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ BẮC ĐÔNG HƯNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	51.305
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	10.305
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	170
-	Thuế giá trị gia tăng	170
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>170</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.190
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.190
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	33
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.590
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	3.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	90
5	Phí, lệ phí	130
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>130</i>
6	Tiền sử dụng đất	41.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	41.000
7	Thu tiền thuê đất	30
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>30</i>
8	Thu khác	69
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>69</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	93

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ BẮC ĐÔNG QUAN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	16.735
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	6.735
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	350
-	Thuế giá trị gia tăng	350
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>350</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	4.750
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	250
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	4.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	150
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.130
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	950
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	180
5	Phí, lệ phí	170
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>170</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	94
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>94</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	91

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ ĐÔNG QUAN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	28.645
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	8.645
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	420
-	Thuế giá trị gia tăng	420
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	420
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.150
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	350
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.800
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	142
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.560
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.350
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	210
5	Phí, lệ phí	20
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	20
6	Tiền sử dụng đất	20.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	20.000
7	Thu tiền thuê đất	50
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	50
8	Thu khác	171
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	171
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	132

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ QUANG LỊCH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	17.926
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	7.926
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	485
-	Thuế giá trị gia tăng	485
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	485
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	4.650
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	150
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	4.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	132
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.150
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	2.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	150
5	Phí, lệ phí	120
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	120
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	107
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	107
8	Thu khác	210
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	210
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	72

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ HỒNG VŨ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	17.411
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	7.411
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	485
-	Thuế giá trị gia tăng	485
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	485
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	4.800
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	100
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	4.700
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	32
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.650
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	150
5	Phí, lệ phí	75
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	75
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	64
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	64
8	Thu khác	200
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	200
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	105

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ QUỲNH PHỤ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	859.032
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	39.032
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3.100
-	Thuế giá trị gia tăng	3.100
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>3.100</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	13.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	2.100
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	10.900
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.355
4	Thuế thu nhập cá nhân	20.900
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	19.900
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	1.000
5	Phí, lệ phí	150
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>150</i>
6	Tiền sử dụng đất	820.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	470.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	350.000
7	Thu tiền thuê đất	30
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>30</i>
8	Thu khác	322
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>322</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	175

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ MINH THỌ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	17.211
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	7.211
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	330
-	Thuế giá trị gia tăng	330
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	330
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	5.300
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	50
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.250
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	149
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.100
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	100
5	Phí, lệ phí	60
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	60
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	40
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	40
8	Thu khác	144
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	144
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	88

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NGUYỄN DU***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	17.271
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	7.271
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	812
-	Thuế giá trị gia tăng	812
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>812</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	5.200
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	50
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.150
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	97
4	Thuế thu nhập cá nhân	850
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	600
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	250
5	Phí, lệ phí	20
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>20</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	171
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>171</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	121

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ QUỲNH AN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	19.174
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	9.174
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	898
-	Thuế giá trị gia tăng	898
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	898
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.200
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	70
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.130
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	356
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.275
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	275
5	Phí, lệ phí	30
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	30
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	40
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	40
8	Thu khác	286
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	286
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	89

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NGỌC LÂM***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	18.217
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	8.217
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	300
-	Thuế giá trị gia tăng	300
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>300</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	5.800
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	100
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.700
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.600
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	100
5	Phí, lệ phí	65
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>65</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	281
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>281</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	141

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ ĐỒNG BÀNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	20.799
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	10.799
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.000
-	Thuế giá trị gia tăng	1.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.400
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	150
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.250
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	141
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.825
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	2.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	325
5	Phí, lệ phí	65
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>65</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	271
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>271</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	97

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ A SÀO***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	138.700
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	8.700
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	350
-	Thuế giá trị gia tăng	350
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>350</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	5.800
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	350
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.450
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	242
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.700
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.600
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	100
5	Phí, lệ phí	40
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>40</i>
6	Tiền sử dụng đất	130.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	130.000
7	Thu tiền thuê đất	40
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>40</i>
8	Thu khác	411
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>411</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	117

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ PHỤ DỤC***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	329.712
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	14.712
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.150
-	Thuế giá trị gia tăng	1.150
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.150</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	8.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	300
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	7.700
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	906
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.850
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	3.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	350
5	Phí, lệ phí	130
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>130</i>
6	Tiền sử dụng đất	315.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	265.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	50.000
7	Thu tiền thuê đất	100
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>100</i>
8	Thu khác	251
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>251</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	325

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TÂN TIẾN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	20.090
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	10.090
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.560
-	Thuế giá trị gia tăng	1.560
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.560</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	150
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.850
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	120
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.150
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.600
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	550
5	Phí, lệ phí	40
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>40</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	10
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>10</i>
8	Thu khác	163
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>163</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	47

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ LÊ LỢI***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	20.592
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	10.592
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.110
-	Thuế giá trị gia tăng	2.110
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>2.110</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.300
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	100
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.200
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	90
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.650
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	650
5	Phí, lệ phí	120
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>120</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	52
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>52</i>
8	Thu khác	210
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>210</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	60

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ THÁI THỤY***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	104.866
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	77.866
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	8.430
-	Thuế giá trị gia tăng	8.430
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>8.430</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	35.560
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	35.560
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.490
4	Thuế thu nhập cá nhân	29.130
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	25.390
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	3.740
5	Phí, lệ phí	400
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>400</i>
6	Tiền sử dụng đất	27.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	27.000
7	Thu tiền thuê đất	55
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>55</i>
8	Thu khác	769
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>769</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	32

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ THỤY ANH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	62.198
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	7.198
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.000
-	Thuế giá trị gia tăng	1.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	3.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	3.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	170
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.700
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	2.200
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	500
5	Phí, lệ phí	50
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>50</i>
6	Tiền sử dụng đất	55.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	55.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	186
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>186</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	92

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ ĐÔNG THỤY ANH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	26.177
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	8.177
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	350
-	Thuế giá trị gia tăng	350
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>350</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	3.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	3.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	590
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.020
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	2.850
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	170
5	Phí, lệ phí	110
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>110</i>
6	Tiền sử dụng đất	18.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	18.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	348
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>348</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	259

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TÂY THỤY ANH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	45.641
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	5.641
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	600
-	Thuế giá trị gia tăng	600
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>600</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	2.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	2.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.100
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.800
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	300
5	Phí, lệ phí	30
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>30</i>
6	Tiền sử dụng đất	40.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	40.000
7	Thu tiền thuê đất	5
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>5</i>
8	Thu khác	238
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>238</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	128

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NAM THUY ANH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	16.138
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	6.138
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.150
-	Thuế giá trị gia tăng	1.150
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.150</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	2.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	2.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	82
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.400
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.850
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	550
5	Phí, lệ phí	60
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>60</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	200
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>200</i>
8	Thu khác	199
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>199</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	47

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ BẮC THỤY ANH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	46.366
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	6.366
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	700
-	Thuế giá trị gia tăng	700
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>700</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	2.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	2.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	90
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.270
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.920
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	350
5	Phí, lệ phí	100
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>100</i>
6	Tiền sử dụng đất	40.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	40.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	538
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>538</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	168

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
XÃ THÁI NINH

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	41.119
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	11.119
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.000
-	Thuế giá trị gia tăng	1.000
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.000</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	5.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	106
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.200
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	3.700
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	500
5	Phí, lệ phí	70
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>70</i>
6	Tiền sử dụng đất	30.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	30.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	192
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>192</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	51

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ ĐÔNG THÁI NINH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	45.022
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	10.022
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	960
-	Thuế giá trị gia tăng	960
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>960</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	4.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	4.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	663
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.430
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	3.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	430
5	Phí, lệ phí	120
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>120</i>
6	Tiền sử dụng đất	35.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	35.000
7	Thu tiền thuê đất	20
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>20</i>
8	Thu khác	273
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>273</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	56

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TÂY THÁI NINH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	12.539
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	2.539
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	350
-	Thuế giá trị gia tăng	350
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>350</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	1.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	1.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	51
4	Thuế thu nhập cá nhân	890
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	720
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	170
5	Phí, lệ phí	30
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>30</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	168
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>168</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	50

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NAM THÁI NINH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	16.295
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	6.295
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	300
-	Thuế giá trị gia tăng	300
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>300</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	4.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	4.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	330
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.370
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.220
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	150
5	Phí, lệ phí	30
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>30</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	90
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>90</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	175

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ BẮC THÁI NINH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	31.031
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	6.031
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	560
-	Thuế giá trị gia tăng	560
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>560</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	2.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	2.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	180
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.780
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	2.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	280
5	Phí, lệ phí	60
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>60</i>
6	Tiền sử dụng đất	25.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	25.000
7	Thu tiền thuê đất	10
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>10</i>
8	Thu khác	199
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>199</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	242

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ BÌNH THANH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	16.102
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	6.102
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	325
-	Thuế giá trị gia tăng	325
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	325
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	4.300
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	100
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	4.200
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	88
4	Thuế thu nhập cá nhân	800
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	700
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	100
5	Phí, lệ phí	105
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	105
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	64
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	64
8	Thu khác	250
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	250
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	170

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ BÌNH NGUYÊN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	16.117
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	6.117
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	405
-	Thuế giá trị gia tăng	405
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>405</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	3.700
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	100
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	3.600
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	93
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.500
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.400
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	100
5	Phí, lệ phí	100
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>100</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	129
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>129</i>
8	Thu khác	150
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>150</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	40

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TIỀN HẢI***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	1.078.226
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	38.226
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	4.170
-	Thuế giá trị gia tăng	4.140
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>4.140</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	30
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>30</i>
2	Lệ phí trước bạ	12.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	12.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	400
4	Thuế thu nhập cá nhân	20.250
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	19.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	1.250
5	Phí, lệ phí	350
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>350</i>
6	Tiền sử dụng đất	1.040.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	850.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	190.000
7	Thu tiền thuê đất	326
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>326</i>
8	Thu khác	623
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>623</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	107

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TÂY TIỀN HẢI***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	15.631
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	5.631
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	160
-	Thuế giá trị gia tăng	160
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>160</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	2.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	2.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	41
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.050
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	3.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	50
5	Phí, lệ phí	60
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>60</i>
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	235
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>235</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	85

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ ÁI QUỐC***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	127.005
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	27.005
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	4.560
-	Thuế giá trị gia tăng	4.540
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>4.540</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	20
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>20</i>
2	Lệ phí trước bạ	8.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	8.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	125
4	Thuế thu nhập cá nhân	13.400
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	12.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	1.400
5	Phí, lệ phí	220
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>220</i>
6	Tiền sử dụng đất	100.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	100.000
7	Thu tiền thuê đất	214
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>214</i>
8	Thu khác	339
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>339</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	147

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ ĐỒNG CHÂU***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	69.572
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	19.572
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.630
-	Thuế giá trị gia tăng	1.630
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.630</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	10.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	10.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	105
4	Thuế thu nhập cá nhân	7.000
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	6.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	500
5	Phí, lệ phí	120
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>120</i>
6	Tiền sử dụng đất	50.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	50.000
7	Thu tiền thuê đất	94
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>94</i>
8	Thu khác	422
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>422</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	201

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ ĐÔNG TIỀN HẢI***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	33.908
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	13.908
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	810
-	Thuế giá trị gia tăng	810
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>810</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	8.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	8.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	80
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.750
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	3.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	250
5	Phí, lệ phí	120
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>120</i>
6	Tiền sử dụng đất	20.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	20.000
7	Thu tiền thuê đất	33
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>33</i>
8	Thu khác	342
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>342</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	273

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NAM CƯỜNG***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	65.285
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	15.285
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.625
-	Thuế giá trị gia tăng	1.625
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.625</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	65
4	Thuế thu nhập cá nhân	6.500
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	6.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	500
5	Phí, lệ phí	105
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>105</i>
6	Tiền sử dụng đất	50.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	50.000
7	Thu tiền thuê đất	90
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>90</i>
8	Thu khác	256
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>256</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	144

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ HƯNG PHÚ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	2.093.178
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	13.178
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	810
-	Thuế giá trị gia tăng	810
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>810</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.500
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.250
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	5.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	250
5	Phí, lệ phí	105
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>105</i>
6	Tiền sử dụng đất	2.080.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	2.000.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	80.000
7	Thu tiền thuê đất	33
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>33</i>
8	Thu khác	267
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>267</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	143

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ NAM TIỀN HẢI***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	20.946
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	10.946
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	485
-	Thuế giá trị gia tăng	485
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	485
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	5.000
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.650
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	4.500
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	150
5	Phí, lệ phí	105
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	105
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	50
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	50
8	Thu khác	416
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	416
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	200

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ VŨ QUÝ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	44.544
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	14.544
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.350
-	Thuế giá trị gia tăng	2.350
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>2.350</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	6.550
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	250
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	6.300
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.700
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	4.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	700
5	Phí, lệ phí	200
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>200</i>
6	Tiền sử dụng đất	30.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	30.000
7	Thu tiền thuê đất	91
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>91</i>
8	Thu khác	240
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>240</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	113

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ THU VŨ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	12.461
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	9.461
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	770
-	Thuế giá trị gia tăng	770
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	770
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	5.970
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	310
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.660
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	220
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.020
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.620
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	400
5	Phí, lệ phí	100
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	100
6	Tiền sử dụng đất	3.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	3.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	189
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	189
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	192

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ THU TRÌ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	14.522
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	7.522
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	510
-	Thuế giá trị gia tăng	510
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>510</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	3.090
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	680
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	2.410
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	290
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.270
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	3.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	270
5	Phí, lệ phí	40
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>40</i>
6	Tiền sử dụng đất	7.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	7.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	202
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>202</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	120

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ TÂN THUẬN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	37.242
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	7.242
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	370
-	Thuế giá trị gia tăng	370
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	370
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	4.310
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	470
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	3.840
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	155
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.120
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.900
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	220
5	Phí, lệ phí	20
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	20
6	Tiền sử dụng đất	30.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	30.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	121
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	121
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	146

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ VŨ TIÊN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	49.425
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	9.425
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	950
-	Thuế giá trị gia tăng	950
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>950</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	5.840
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	290
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	5.550
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	75
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.790
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.250
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	540
5	Phí, lệ phí	210
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>210</i>
6	Tiền sử dụng đất	40.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	40.000
7	Thu tiền thuê đất	100
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>100</i>
8	Thu khác	247
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>247</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	213

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ VẠN XUÂN***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	71.249
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	6.249
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	410
-	Thuế giá trị gia tăng	410
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>410</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	3.610
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	320
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	3.290
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	135
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.680
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.430
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	250
5	Phí, lệ phí	75
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>75</i>
6	Tiền sử dụng đất	65.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	65.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	162
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>162</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	177

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ VŨ THU***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	84.894
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	29.894
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.480
-	Thuế giá trị gia tăng	1.480
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>1.480</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	15.520
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	5.620
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	9.900
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	750
4	Thuế thu nhập cá nhân	11.560
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	10.760
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	800
5	Phí, lệ phí	80
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>80</i>
6	Tiền sử dụng đất	55.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	55.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	321
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>321</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	183

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**XÃ BÌNH ĐỊNH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	14.337
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	4.337
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	325
-	Thuế giá trị gia tăng	325
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	325
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	2.300
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	100
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	2.200
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.100
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	1.000
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	100
5	Phí, lệ phí	90
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	90
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	167
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	167
8	Thu khác	110
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	110
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	195

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**PHƯỜNG THÁI BÌNH***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	1.813.120
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	73.120
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	11.990
-	Thuế giá trị gia tăng	11.990
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>11.990</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	30.960
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	5.550
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	25.410
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.300
4	Thuế thu nhập cá nhân	25.320
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	19.480
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	5.840
5	Phí, lệ phí	120
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>120</i>
6	Tiền sử dụng đất	1.740.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	1.500.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	240.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	228
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>228</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	202

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**PHƯỜNG TRẦN LÃM***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	962.045
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	112.045
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	12.570
-	Thuế giá trị gia tăng	12.570
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>12.570</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	47.440
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	9.800
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	37.640
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.155
4	Thuế thu nhập cá nhân	46.410
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	40.130
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	6.280
5	Phí, lệ phí	110
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>110</i>
6	Tiền sử dụng đất	850.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	800.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	50.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	160
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>160</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	200

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**PHƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	859.372
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	99.372
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	9.940
-	Thuế giá trị gia tăng	9.940
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>9.940</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	47.210
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	12.520
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	34.690
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.055
4	Thuế thu nhập cá nhân	36.900
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	32.030
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	4.870
5	Phí, lệ phí	50
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>50</i>
6	Tiền sử dụng đất	760.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	680.000
-	Khu đất xã, phường quản lý	80.000
7	Thu tiền thuê đất	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
8	Thu khác	120
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>120</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	97

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**PHƯỜNG VŨ PHÚC***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	207.200
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	37.200
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.130
-	Thuế giá trị gia tăng	2.130
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>2.130</i>
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	19.240
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	7.390
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	11.850
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.665
4	Thuế thu nhập cá nhân	13.570
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	12.490
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	1.080
5	Phí, lệ phí	120
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	<i>120</i>
6	Tiền sử dụng đất	170.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	170.000
7	Thu tiền thuê đất	150
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	<i>150</i>
8	Thu khác	250
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	<i>250</i>
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	75

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**PHƯỜNG TRÀ LÝ***(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
1	2	3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	48.684
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	38.684
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.880
-	Thuế giá trị gia tăng	2.880
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	2.880
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	
2	Lệ phí trước bạ	16.810
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	7.050
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	9.760
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.975
4	Thuế thu nhập cá nhân	15.860
-	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	14.410
-	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	1.450
5	Phí, lệ phí	75
	<i>Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý</i>	75
6	Tiền sử dụng đất	10.000
-	Khu đất tỉnh quản lý (Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp)	
-	Khu đất xã, phường quản lý	10.000
7	Thu tiền thuê đất	750
	<i>Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	750
8	Thu khác	207
	<i>Trong đó: Thu khác xã, phường quản lý</i>	207
9	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	127